

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TTC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TTC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTC ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109624045

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

TT23-5 Khu đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986357060

Fax:

Email: [moitruongttc@gmail.com](mailto:moitruongttc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                         | 1811        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                       | 3320        |
| 3.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                             | 3600        |
| 4.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                 | 3700        |
| 5.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                | 3811(Chính) |
| 6.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                      | 3812        |
| 7.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                      | 3821        |
| 8.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                            | 3822        |
| 9.  | Tái chế phế liệu                                                                                              | 3830        |
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                             | 3900        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                         | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                         | 4322        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                | 4329        |
| 14. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)                                                             | 4511        |
| 15. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)                                                     | 4512        |
| 16. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)                                                               | 4513        |
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4520        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô (trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4530 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610 |
| 20. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn.<br>- Bán cafe, nước ép trái cây, sinh tố, nước khoáng các loại...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4633 |
| 21. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4634 |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho đàn ông và trẻ em trai;<br>- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái;<br>- Bán buôn đồ phụ trợ hàng may mặc như: khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat...;<br>- Bán buôn hàng may mặc bằng da lông, da và giả da.<br>- Bán buôn giày dép bằng mọi loại vật liệu<br>- Bán buôn phụ liệu ngành may mặc các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...<br>- Bán buôn linh kiện máy lọc nước - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch...bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác.<br>- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh... | 4649 |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;<br>- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>- Bán lẻ trang thiết bị y tế;<br>- Bán lẻ dược phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.<br>- Bánh, mứt, kẹo;<br>- Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...                                                                                                                                                                             | 4722 |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh (đồ uống không nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng) như:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn. Bán cafe, nước ép trái cây, sinh tố, nước khoáng các loại... | 4723 |
| 29. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4761 |
| 30. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ quần áo, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4782 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;<br>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn;<br>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;<br>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;<br>(trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 34. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                     | 5510 |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                        | 5610 |
| 36. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                | 5621 |
| 37. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629 |
| 38. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                                                                                                                                 | 5630 |
| 39. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ ứng dụng viễn thông;<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Dịch vụ giá trị gia tăng;<br>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông;<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng.                                    | 6190 |
| 40. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                      | 6311 |
| 41. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                     | 6619 |
| 42. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)                                                                                                                                               | 7020 |
| 43. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;                                                                                                                                                   | 7120 |
| 44. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 45. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động phiên dịch;</li> <li>- Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</li> <li>- Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;</li> <li>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; xúc tiến chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước;</li> <li>- Lập đề án, báo cáo thăm dò và khai thác khoáng sản</li> <li>- Xử lý chất thải nguy hại</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7490 |
| 47. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết: Cho thuê ô tô</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 48. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8110 |
| 49. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8121 |
| 50. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8129 |
| 51. | <p>Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng cây, chăm sóc và duy trì:</li> <li>+ Công viên và vườn hoa;</li> <li>+ Nhà riêng và công cộng,</li> <li>+ Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...),</li> <li>+ Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...),</li> <li>+ Cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng),</li> <li>+ Tòa nhà công nghiệp và thương mại;</li> <li>- Trồng cây xanh cho:</li> <li>+ Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà),</li> <li>+ Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf),</li> <li>+ Vùng nước tĩnh và động (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, mương, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải),</li> <li>+ Trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng.</li> <li>- Thiết kế và dịch vụ xây dựng phụ;</li> <li>- Làm đất tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp và sinh thái học</li> </ul> | 8130 |
| 52. | <p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hộp báo)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hoá và giải trí cho khách hàng. Nó bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp.<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập) | 9000 |
| 54. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ giải trí (trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9329 |
| 55. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU HƯỞNG | Số 106A Đại An, Tổ 6, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 001059003111                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                 | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                  |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | BÙI ĐỨC TUẤN  | Tổ dân phố số 1 Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 001081004135 |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |              |
|   |               |                                                                                  |                           |         |               |        |              |
| 3 | LÊ QUANG CẢNH | Thôn Đồng Nhuệ, Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 400.000 | 4.000.000.000 | 40,000 | 035079000703 |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                  | Tổng số                   | 400.000 | 4.000.000.000 | 40,000 |              |
|   |               |                                                                                  |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ QUANG CẢNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035079000703

Ngày cấp: 30/10/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đồng Nhuệ, Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đồng Nhuệ, Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội